

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 22-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Đặng Ngọc Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 37/TB-MLPT ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT;

Địa chỉ trụ sở: 266-268 NKKN, P 8, Q 3, Tp HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật;

Ông Lê Văn Q, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu là đại diện ủy quyền theo giấy ủy quyền số 3911/2019/GUQ-PL ngày 16-12-2019 của Ngân hàng TMCP SGTT.

Ông Trần Thanh T, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ thuộc phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP SGTT chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu; địa chỉ: 67A Lê Hồng Phong, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là người được ủy quyền lại theo giấy ủy quyền ngày 08-6-2020 của Ngân hàng

TMCP SGTT chi nhánh Bà Rịa -Vũng Tàu.

2. Bị đơn: ông Trần Xuân C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Căn hộ 08-07 tầng 08, số 33A đường 30/4, P 9, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt; trong đó, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Ngày 13-11-2019, Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng Thương Tín) và ông Trần Xuân C cùng ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 478/2019/HĐTD/CNBRVT (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với nội dung:

Ngân hàng Thương Tín cấp cho ông C thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000đ ; số thẻ: 356480 - 9486; số tài khoản thẻ: 3851512396; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; lãi suất thẻ: 2,6%/tháng; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Ông C được sử dụng thẻ linh hoạt, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần trong hạn mức tín dụng được cấp.

Quá trình sử dụng thẻ theo hợp đồng tín dụng, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.000.000đ và thanh toán cho Ngân hàng Thương Tín số tiền 1.650.000đ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 23-4-2020, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông C, chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này sang áp dụng lãi suất quá hạn. Ngân hàng Thương Tín đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông C thanh toán khoản tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng mà ông C còn nợ nhưng ông C không thực hiện. Do vậy, Ngân hàng Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn nợ tính đến hết ngày 22-11-2021 là 34.128.532đ, bao gồm: 19.467.400đ tiền gốc, 14.661.132đ lãi quá hạn và ông C còn phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Trần Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét chứng cứ có trong vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương Tín có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Xuân C thanh toán nợ theo hợp đồng đã giao kết. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn Ngân hàng Thương Tín, bị đơn ông Trần Xuân C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền gốc, lãi của nguyên đơn đối với bị đơn theo hợp đồng tín dụng đã giao kết thấy rằng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 478/2019/HĐTD/CNBRVT ngày 13-11-2019 và đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định bị đơn ông Trần Xuân C cư trú tại : Căn hộ 08-07 tầng 08, số 33A đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn theo địa chỉ trên, nhưng bị đơn không có ý kiến và chứng cứ nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn.

Xét ý kiến nguyên đơn, hợp đồng tín dụng đã giao kết thấy rằng: hợp đồng được Ngân hàng Thương Tín và ông C ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký kết.

[2.1.1] Xét hợp đồng tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Phiếu yêu cầu, Sao kê giao dịch tài khoản vay chi tiết đến hết ngày 22-11-2021, bản tự khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử

có căn cứ xác định Ngân hàng Thương Tín với ông C đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 478/2019/HĐTD/CNBRVT ngày 13-11-2019, Ngân hàng Thương Tín đã cấp cho ông C thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000đ; số thẻ: 356480 - 9486; số tài khoản thẻ: 3851512396. Sau khi được cấp thẻ, ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.000.000đ và thanh toán cho Ngân hàng Thương tín số tiền 1.650.000đ; vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay kể từ ngày 23-4-2020. Số tiền ông C còn nợ tính đến hết ngày 22-11-2021 là 34.128.532đ, bao gồm: 19.467.400đ tiền gốc, 14.661.132đ lãi quá hạn.

Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền còn thiếu nói trên và lãi phát sinh kể từ ngày 23-11-2021 cho đến khi ông C hoàn tất khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Xuân C có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương Tín nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng Thương Tín không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng Thương Tín số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín.

2. Buộc ông Trần Xuân C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín số tiền 34.128.532đ (*ba mươi bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm ba mươi hai đồng*), bao gồm: 19.467.400đ (*mười chín triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng*) tiền gốc, 14.661.132đ (*mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn một trăm ba mươi hai đồng*) tiền lãi quá hạn (tính đến hết ngày 22-11-2021).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 478/2019/HĐTD/CNBRVT ngày 13-11-2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Xuân C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: 1.706.427đ (*một triệu bảy trăm linh sáu nghìn bốn trăm hai mươi bảy đồng*).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín số tiền 690.000đồng (*sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0007887 ngày 17-5-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Nguyễn Trà My